

Số: /TTr-UBND

Gia Lai, ngày tháng 5 năm 2026

TỜ TRÌNH

Dự thảo Nghị quyết quy định tổng mức chi, nhiệm vụ, hoạt động và định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động đối với xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Gia Lai

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết quy định tổng mức chi, nhiệm vụ, hoạt động và định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động đối với xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Gia Lai như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH VĂN BẢN

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

Ngày 06 tháng 11 năm 2025, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 289/2025/NĐ-CP hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 197/2025/QH15 ngày 17 tháng 5 năm 2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật, trong đó tại Khoản 2 Điều 3 Nghị định số 289/2025/NĐ-CP quy định:

“2. Danh mục nhiệm vụ, hoạt động và định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động đối với xây dựng văn bản quy phạm pháp luật là lệnh, quyết định của Chủ tịch nước; nghị quyết của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; thông tư, thông tư liên tịch; nghị quyết của Hội đồng nhân dân các cấp; quyết định của Ủy ban nhân dân các cấp, quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh do người đứng đầu cơ quan thực hiện nhiệm vụ, hoạt động chủ động quyết định hoặc ban hành quy định, quy chế để áp dụng nội bộ trong phạm vi tổng mức chi quy định tại Phụ lục II kèm theo Nghị quyết số 197/2025/QH15 hoặc quy định tại Điều 5 của Nghị định này.”

Theo đó, việc ban hành Quy định tổng mức chi, nhiệm vụ, hoạt động và định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động đối với xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Gia Lai để áp dụng thống nhất trên địa bàn tỉnh Gia Lai là cần thiết, đảm bảo cơ sở chính trị, pháp lý.

2. Cơ sở thực tiễn

Trên địa bàn tỉnh hiện nay, các mức chi, định mức phân bổ trong công tác xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật của tỉnh được thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 54/2023/NQ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2023 của

Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai (được Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định áp dụng trên địa bàn tỉnh Gia Lai sau sắp xếp tại Nghị quyết số 67/NQ-HĐND ngày 27 tháng 10 năm 2025); Thông tư số 338/2016/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 42/2022/TT-BTC ngày 06 tháng 7 năm 2022.

Tuy nhiên, ngày 10 tháng 3 năm 2026, Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 19/2026/TT-BTC bãi bỏ Thông tư số 338/2016/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật và Thông tư số 42/2022/TT-BTC ngày 06 tháng 7 năm 2022 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 338/2016/TT-BTC, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 5 năm 2026.

Do đó, việc thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 54/2023/NQ-HĐND sẽ không còn phù hợp với quy định hiện hành, cần thiết phải ban hành quy định tổng mức chi, nhiệm vụ, hoạt động và định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động đối với xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Gia Lai để thực hiện, đảm bảo quy định.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ THẢO VĂN BẢN

1. Mục đích ban hành văn bản

Việc ban hành Quy định tổng mức chi, nhiệm vụ, hoạt động và định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động đối với xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Gia Lai nhằm quy định chi tiết nội dung được giao trong Nghị định số 289/2025/NĐ-CP ngày 06/11/2025 của Chính phủ, tạo cơ sở pháp lý trong việc lập, phân bổ, giao dự toán và thanh quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và thực hiện thống nhất trên địa bàn toàn tỉnh Gia Lai.

2. Quan điểm xây dựng dự thảo văn bản

Từng bước hoàn thiện, bảo đảm tính đồng bộ hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, phù hợp với tình hình thực tế của địa phương và các quy định trong văn bản quy phạm pháp luật của Trung ương.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO VĂN BẢN

Căn cứ Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 18 tháng 3 năm 2026 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quyết định danh mục Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định các nội dung được giao trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên;

Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo Sở Tài chính nghiên cứu, rà soát quy định tại Nghị quyết số 197/2025/QH15 ngày 17 tháng 5 năm 2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật, Nghị định số 289/2025/NĐ-CP ngày 06/11/2025 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 197/2025/QH15 ngày 17 tháng 5 năm 2025 của Quốc

hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật, khả năng cân đối ngân sách, các quy định có liên quan khác để tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng dự thảo Nghị quyết quy định tổng mức chi, nhiệm vụ, hoạt động và định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động đối với xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Gia Lai, lấy ý kiến tham gia của các cơ quan, đơn vị liên quan, gửi Sở Tư pháp thẩm định theo quy định và tiếp thu, hoàn chỉnh dự thảo.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

a) Phạm vi điều chỉnh

a1) Nghị quyết này quy định các nội dung sau đây:

- Tổng mức chi trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật gồm: nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh, quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã, phường (sau đây gọi chung là cấp xã) và quyết định của Ủy ban nhân dân cấp xã.

- Danh mục nhiệm vụ, hoạt động và định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động đối với xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Hội đồng nhân dân cấp xã và Ủy ban nhân dân cấp xã.

a2) Các nội dung khác không quy định tại Nghị quyết này thì thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 197/2025/QH15 về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật, Nghị định số 289/2025/NĐ-CP hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 197/2025/QH15 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật.

b) Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc được giao nhiệm vụ trong công tác xây dựng, hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Gia Lai và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

2. Bố cục của dự thảo văn bản

Dự thảo Nghị quyết gồm 06 Điều, cụ thể:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng.

Điều 3. Danh mục nhiệm vụ, hoạt động và định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động đối với xây dựng văn bản quy phạm pháp luật.

Điều 4. Nguồn kinh phí thực hiện

Điều 5. Tổ chức thực hiện.

Điều 6. Điều khoản thi hành.

3. Nội dung cơ bản

a) Dự thảo Nghị quyết quy định các nội dung về tổng mức chi, định mức khoán chi trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật ban hành mới, văn bản quy phạm pháp luật thay thế, cụ thể như sau:

* Về tổng mức chi đối với từng văn bản quy phạm pháp luật:

Ngày 17/5/2025, Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 197/2025/QH15 quy định về việc thực hiện khoán chi theo từng nhiệm vụ hoặc theo từng hoạt động cho công tác xây dựng pháp luật, giao quyền chủ động cho người đứng đầu cơ quan được giao thực hiện nhiệm vụ, hoạt động được quyết định nội dung chi, thay đổi nội dung chi theo nguyên tắc quy định tại Nghị quyết này và chịu trách nhiệm trong việc sử dụng ngân sách được giao. Về mức chi, Nghị quyết số 197/2025/QH15 đã nâng mức chi cho xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của tỉnh từ **30 triệu đồng** (Thông tư số 338/2016/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính, sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 42/2022/TT-BTC ngày 06 tháng 7 năm 2022) lên **250 triệu đồng** đối với Nghị quyết Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, **100 triệu đồng** đối với Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Phụ lục II). Nghị quyết giao Chính phủ hướng dẫn thi hành Nghị quyết.

Ngày 06/11/2025, Chính phủ ban hành Nghị định số 289/2025/NĐ-CP hướng dẫn thi hành Nghị quyết 197/2025/QH15, trong đó tại Khoản 2 Điều 3 quy định:

“2. Danh mục nhiệm vụ, hoạt động và định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động đối với xây dựng văn bản quy phạm pháp luật là lệnh, quyết định của Chủ tịch nước; nghị quyết của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; thông tư, thông tư liên tịch; nghị quyết của Hội đồng nhân dân các cấp; quyết định của Ủy ban nhân dân các cấp, quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh do người đứng đầu cơ quan thực hiện nhiệm vụ, hoạt động chủ động quyết định hoặc ban hành quy định, quy chế để áp dụng nội bộ trong phạm vi tổng mức chi quy định tại Phụ lục II kèm theo Nghị quyết số 197/2025/QH15 hoặc quy định tại Điều 5 của Nghị định này.”

Trên cơ sở quy định nêu trên, sau khi soát xét khả năng cân đối ngân sách tỉnh sau sắp xếp, tỉnh Gia Lai vẫn là địa phương chưa tự cân đối được ngân sách; mặt khác, hiện nay tỉnh đang xây dựng và dự kiến ban hành nhiều chính sách về an sinh xã hội; do đó, khả năng đảm bảo nguồn lực tài chính cho việc thực hiện mức chi Nghị quyết số 197/2025/QH15 là rất khó khăn trong thời điểm hiện nay.

Theo đó, căn cứ quy định tại Khoản 4 Điều 9 Luật Ngân sách nhà nước: *“4. Việc ban hành và thực hiện chính sách, chế độ mới làm tăng chi ngân sách phải có giải pháp bảo đảm nguồn tài chính, phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách từng cấp”*; Khoản 7 Điều 7 Thông tư số 133/2025/TT-BTC ngày 24/12/2025 của Bộ Tài chính quy định về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2026: *“chỉ ban hành chính sách làm tăng chi ngân sách nhà nước khi thật sự cần thiết và có nguồn bảo đảm”*, UBND tỉnh kính trình HĐND tỉnh xem xét, xây dựng Nghị quyết quy định nhiệm vụ, hoạt động và định mức khoán chi cho từng nhiệm

vụ, hoạt động đối với xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Gia Lai với tổng mức chi từng văn bản giữ nguyên theo mức của Nghị quyết số 54/2023/NQ-HĐND.

* Về danh mục nhiệm vụ, hoạt động và định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động đối với xây dựng văn bản quy phạm pháp luật: được xây dựng theo trình tự công việc và sản phẩm của hoạt động xây dựng văn bản quy định tại các Điều từ Điều 44 đến Điều 51c Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025, Nghị định số 187/2025/NĐ-CP của Chính phủ.

b) Quy định trường hợp xây dựng văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung một số điều của văn bản quy phạm pháp luật (tuân thủ quy định tại Nghị quyết số 197/2025/QH15 và Nghị định số 289/2025/NĐ-CP):

- Văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 02 văn bản quy phạm pháp luật trở lên thì áp dụng bằng tổng mức chi, định mức khoán chi trong xây dựng 01 văn bản quy phạm pháp luật mới, thay thế;

- Văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 01 văn bản quy phạm pháp luật thì áp dụng bằng 60% tổng mức chi, định mức khoán chi trong xây dựng 01 văn bản quy phạm pháp luật mới, thay thế.

c) Quy định việc áp dụng áp dụng tổng mức chi, định mức khoán chi đối với văn bản quy phạm pháp luật bãi bỏ một phần hoặc bãi bỏ toàn bộ văn bản quy phạm pháp luật: bằng 30% tổng mức chi trong xây dựng 01 văn bản quy phạm pháp luật mới, thay thế.

d) Giao người đứng đầu đơn vị được giao chủ trì soạn thảo, thẩm định, trình, thẩm tra, thông qua văn bản quy phạm pháp luật căn cứ tình hình thực tế của đơn vị, tham chiếu định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động theo danh mục nhiệm vụ, hoạt động tại Nghị quyết này để quyết định (hoặc ban hành quy định, quy chế áp dụng nội bộ) về mức chi đối với từng hoạt động cụ thể khi xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, đảm bảo tương xứng với mức độ quan trọng, phức tạp của nhiệm vụ, hoạt động và đáp ứng đầy đủ nhu cầu thực tế phát sinh; tuân thủ các quy định về giám sát, kiểm tra, kiểm toán; bảo đảm dân chủ, công khai, minh bạch.

đ) Trường hợp 01 nhiệm vụ, hoạt động hoặc từng hoạt động trong mỗi nhiệm vụ quy định tại phụ lục kèm theo Nghị quyết này đã được thực hiện và đã có sản phẩm hoàn thành thì được thanh, quyết toán theo phương thức khoán chi đối với từng nhiệm vụ hoặc hoạt động đó. Sản phẩm hoàn thành và định mức khoán chi phải phù hợp với quy định tương ứng tại phụ lục kèm theo Nghị quyết này.

e) Về hiệu lực của Nghị quyết:

- Thời điểm có hiệu lực của Nghị quyết thực hiện theo quy định tại Điều 53 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

- Đồng thời, căn cứ Khoản 1 Điều 55 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, nhằm thực hiện các quyền, lợi ích của tổ chức, cá nhân được quy định Nghị

quyết số 197/2025/QH15 của Quốc hội, quy định trường hợp nhiệm vụ xây dựng văn bản quy phạm pháp luật được thực hiện từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 mà chưa thanh toán thì được chi trả, thanh, quyết toán theo định mức khoán chi quy định tại Nghị quyết này.

VI. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH VĂN BẢN VÀ THỜI GIAN TRÌNH BAN HÀNH

1. Nguồn lực, điều kiện để đảm bảo cho việc thi hành văn bản:

- Dự kiến kinh phí thực hiện:

Dự kiến kinh phí thực hiện Nghị quyết trung bình là 2.500 triệu đồng/năm, riêng năm 2026 do đặc thù ban hành quy định để xử lý các văn bản bị tác động bởi việc sắp xếp nên dự kiến kinh phí thực hiện khoảng 4.300 triệu đồng.

- Nguồn kinh phí thực hiện: từ ngân sách Nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành.

2. Thời gian trình ban hành: kỳ họp thứ 3 (chuyên đề), Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XIII, nhiệm kỳ 2026 - 2031, dự kiến tổ chức trong tháng 5/2026.

(Xin gửi kèm theo: Dự thảo Nghị quyết)

Trên đây là Tờ trình về dự thảo Nghị quyết quy định tổng mức chi, nhiệm vụ, hoạt động và định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động đối với xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Gia Lai, Ủy ban nhân dân tỉnh xin kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ban KT&NS - HĐND tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Sở Tài chính; Sở Tư pháp;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, C3, C5.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Hữu Quế

Số: /2026/NQ-HĐND

Gia Lai, ngày 29 tháng 5 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

**Quy định tổng mức chi, danh mục nhiệm vụ, hoạt động và định mức
khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động đối với xây dựng văn bản
quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Gia Lai**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15
được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

*Căn cứ Nghị quyết số 197/2025/QH15 của Quốc hội về một số cơ chế,
chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật;*

*Căn cứ Nghị định số 289/2025/NĐ-CP của Chính phủ hướng dẫn thi hành
Nghị quyết 197/2025/QH15 ngày 17 tháng 5 năm 2025 của Quốc hội về một số cơ
chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật;*

*Xét Tờ trình số 700/TTr-UBND ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Ủy ban
nhân dân tỉnh Gia Lai về dự thảo Nghị quyết quy định tổng mức chi, nhiệm vụ,
hoạt động và định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động đối với xây
dựng văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Gia Lai; Báo cáo thẩm tra
số 109/BC-BPC ngày 21 tháng 5 năm 2026 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân
dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;*

*Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định tổng mức chi, danh
mục nhiệm vụ, hoạt động và định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động
đối với xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Gia Lai.*

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị quyết này quy định các nội dung sau đây:

a) Tổng mức chi trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật gồm: nghị
quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh, quyết định
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã, phường
(sau đây gọi chung là cấp xã) và quyết định của Ủy ban nhân dân cấp xã.

b) Danh mục nhiệm vụ, hoạt động và định mức khoán chi cho từng nhiệm
vụ, hoạt động đối với xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân
dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Hội đồng nhân
dân cấp xã và Ủy ban nhân dân cấp xã.

2. Các nội dung khác không quy định tại Nghị quyết này thì thực hiện

theo quy định tại Nghị quyết số 197/2025/QH15 về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật, Nghị định số 289/2025/NĐ-CP hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 197/2025/QH15 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc được giao nhiệm vụ trong công tác xây dựng, hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Gia Lai và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Tổng mức chi, danh mục nhiệm vụ, hoạt động và định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động đối với xây dựng văn bản quy phạm pháp luật

1. Tổng mức chi đối với xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh:

- a) Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh: 30.000.000 đồng/01 văn bản;
- b) Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh: 20.000.000 đồng/01 văn bản;
- c) Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh: 10.000.000 đồng/01 văn bản;
- d) Nghị quyết Hội đồng nhân dân cấp xã: 10.000.000 đồng/01 văn bản;
- e) Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp xã: 8.000.000 đồng/01 văn bản.

2. Danh mục nhiệm vụ, hoạt động và định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động đối với xây dựng Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh, Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh, Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Nghị quyết Hội đồng nhân dân cấp xã, Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện theo Phụ lục I, II, III, IV, V kèm theo Nghị quyết này.

3. Tổng mức chi và định mức khoán chi quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này được áp dụng cho việc xây dựng văn bản quy phạm pháp luật mới hoặc thay thế. Trường hợp xây dựng văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung một số điều của văn bản quy phạm pháp luật thì áp dụng tổng mức chi và định mức khoán chi tương ứng cho từng nhiệm vụ, hoạt động như sau:

a) Văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 02 văn bản quy phạm pháp luật trở lên thì áp dụng bằng tổng mức chi trong xây dựng 01 văn bản quy phạm pháp luật tương ứng tại khoản 1 Điều này; bằng định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động trong xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật tương ứng tại Phụ lục I, II, III, IV, V ban hành kèm theo Nghị quyết này;

b) Văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 01 văn bản quy phạm pháp luật thì áp dụng bằng 60% tổng mức chi, định mức khoán chi trong xây dựng 01 văn bản quy phạm pháp luật tương ứng tại khoản 1 Điều này; bằng 60% định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động trong xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật tương ứng tại Phụ lục I, II, III, IV, V ban hành kèm theo Nghị quyết này.

4. Văn bản quy phạm pháp luật bãi bỏ một phần hoặc bãi bỏ toàn bộ văn bản quy phạm pháp luật thì áp dụng tổng mức chi, định mức khoán chi bằng 30% tổng mức chi trong xây dựng 01 văn bản quy phạm pháp luật tương ứng tại khoản 1 Điều này; bằng 30% định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động trong xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật tương ứng tại Phụ lục I, II, III, IV, V ban hành kèm theo Nghị quyết này.

5. Người đứng đầu đơn vị được giao chủ trì soạn thảo, thẩm định, trình, thẩm tra, thông qua văn bản quy phạm pháp luật căn cứ tình hình thực tế của đơn vị, định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động theo danh mục nhiệm vụ, hoạt động tại Phụ lục I, II, III, IV, V ban hành kèm theo Nghị quyết này để quyết định (hoặc ban hành quy định, quy chế áp dụng nội bộ) về mức chi đối với từng hoạt động cụ thể khi xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, đảm bảo tương xứng với mức độ quan trọng, phức tạp của nhiệm vụ, hoạt động và đáp ứng đầy đủ nhu cầu thực tế phát sinh; tuân thủ các quy định về giám sát, kiểm tra, kiểm toán; bảo đảm dân chủ, công khai, minh bạch.

6. Trường hợp 01 nhiệm vụ, hoạt động hoặc từng hoạt động trong mỗi nhiệm vụ quy định tại phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này đã được thực hiện và đã có sản phẩm hoàn thành thì được thanh, quyết toán theo phương thức khoán chi đối với từng nhiệm vụ hoặc hoạt động đó. Sản phẩm hoàn thành và định mức khoán chi phải phù hợp với quy định tương ứng tại phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này.

Điều 4. Nguồn kinh phí thực hiện

Nguồn kinh phí thực hiện từ ngân sách Nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức, triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 6. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 08 tháng 6 năm 2026.

2. Nghị quyết số 54/2023/NQ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai (trước sắp xếp) quy định mức phân bổ kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật trên địa bàn tỉnh Gia Lai hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành.

3. Khi các văn bản được viện dẫn để áp dụng tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

4. Trường hợp nhiệm vụ xây dựng văn bản quy phạm pháp luật được thực hiện từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 mà chưa thanh toán thì được chi trả, thanh, quyết toán

theo định mức khoán chi quy định tại Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai khóa XIII, Kỳ họp thứ 3 (chuyên đề) thông qua ngày 29 tháng 5 năm 2026.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật - Bộ Tư pháp;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Ban Thường vụ Đảng ủy các cơ quan Đảng tỉnh;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy;
- Các Ban HĐND tỉnh, đại biểu HĐND tỉnh;
- Các VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- TTHĐND, UBND, Ủy ban MTTQVN các xã, phường;
- Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh (đăng tải trên công báo điện tử);
- Báo và Phát thanh truyền hình Gia Lai;
- Trang thông tin điện tử Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, HSKH.

CHỦ TỊCH

Rah Lan Chung

Phụ lục

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số .../2026/NQ-HĐND ngày ... tháng ... năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai)

Phụ lục I

**DANH MỤC NHIỆM VỤ, HOẠT ĐỘNG, SẢN PHẨM VÀ KHUNG ĐỊNH MỨC KHOẢN CHI
TRONG CÔNG TÁC XÂY DỰNG VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH**

STT	Nhiệm vụ, hoạt động	Sản phẩm	Định mức khoản chi tối đa (triệu đồng)	Ghi chú
A	Nhiệm vụ soạn thảo		21,00	
1	Xây dựng hồ sơ dự thảo Nghị quyết		16,70	Cơ quan chủ trì soạn thảo là đơn vị lập dự toán và thực hiện thanh, quyết toán
	Cơ quan chủ trì soạn thảo chủ động quyết định các hoạt động cụ thể để xây dựng hồ sơ dự thảo nghị quyết, ví dụ như: Tổng kết việc thi hành pháp luật, đánh giá các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành, khảo sát, đánh giá thực trạng quan hệ xã hội có liên quan đến dự thảo văn bản, trường hợp cần thiết, đề nghị cơ quan, tổ chức có liên quan tổng kết, đánh giá việc thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực do cơ quan, tổ chức đó phụ trách có liên quan đến nội dung văn bản; Tổ chức việc soạn thảo; tổ chức điều tra, khảo sát thực tế; thuê chuyên gia, nhà khoa học; .v.v.)	Sản phẩm theo quy định tại Khoản 3 Điều 44 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP gồm: a) Tờ trình; b) Dự thảo nghị quyết; c) Báo cáo tổng kết việc thi hành pháp luật hoặc đánh giá thực trạng quan hệ xã hội liên quan đến dự thảo văn bản đối với trường hợp ban hành văn bản quy định tại các điểm b, c và d khoản 1 Điều 21 của Luật kèm phụ lục rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật có liên quan; d) Bản so sánh, thuyết minh nội dung dự thảo; đ) Bản đánh giá thủ tục hành chính, việc phân cấp, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp, việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (nếu có); e) Báo cáo đánh giá tác động của chính sách trong dự thảo trong trường hợp soạn thảo nghị quyết quy định tại điểm d khoản 1 Điều 21 của Luật.		
2	Lấy ý kiến đối với hồ sơ dự thảo Nghị quyết		2,3	

STT	Nhiệm vụ, hoạt động	Sản phẩm	Định mức khoán chi tối đa (triệu đồng)	Ghi chú
	Cơ quan chủ trì soạn thảo chủ động quyết định các hoạt động cụ thể để lấy ý kiến xây dựng hồ sơ dự thảo nghị quyết theo hình thức phù hợp, ví dụ như: thành lập Tổ soạn thảo với sự tham gia của các cơ quan, tổ chức có liên quan, chuyên gia, nhà khoa học (nếu có), lấy ý kiến bằng văn bản; trong đó phải đảm bảo việc lấy ý kiến của Sở Tài chính, Sở Nội vụ, Sở Tư pháp, Sở Khoa học và Công nghệ theo quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Nghị định số 78/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP			
a)	Sở Tài chính có ý kiến về nguồn tài chính (theo quy định tại Điều 44 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP)	Văn bản góp ý	0,35	Sở Tài chính là đơn vị lập dự toán và thực hiện thanh, quyết toán
b)	Sở Nội vụ có ý kiến về việc phân cấp, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp và nguồn nhân lực (theo quy định tại Điều 44 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP)	Văn bản góp ý	0,35	Sở Nội vụ là đơn vị lập dự toán và thực hiện thanh, quyết toán
c)	Sở Tư pháp có ý kiến về tính hợp hiến, tính hợp pháp và tính thống nhất với hệ thống pháp luật (theo quy định tại Điều 44 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP)	Văn bản góp ý	0,35	Sở Tư pháp là đơn vị lập dự toán và thực hiện thanh, quyết toán
d)	Sở Khoa học và Công nghệ có ý kiến về việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (theo quy định tại Điều 44 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP)	Văn bản góp ý	0,35	Sở Khoa học và Công nghệ là đơn vị lập dự toán và thực hiện thanh, quyết toán

STT	Nhiệm vụ, hoạt động	Sản phẩm	Định mức khoán chi tối đa (triệu đồng)	Ghi chú
e)	Tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý của cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia góp ý	Bản tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý	0,9	Cơ quan chủ trì soạn thảo là đơn vị lập dự toán và thực hiện thanh, quyết toán
3	Tổng hợp, chỉnh lý, hoàn thiện hồ sơ	Hồ sơ dự thảo Nghị quyết trình thông qua	2,0	Cơ quan chủ trì soạn thảo là đơn vị lập dự toán và thực hiện thanh, quyết toán
B	Nhiệm vụ thẩm định		3	Sở Tư pháp là đơn vị lập dự toán và thực hiện thanh, quyết toán
	Sở Tư pháp tự thẩm định hoặc tổ chức hội đồng thẩm định hoặc cuộc họp thẩm định hoặc lấy ý kiến thẩm định bằng văn bản. Trường hợp tổ chức hội đồng thẩm định hoặc cuộc họp thẩm định, Sở Tư pháp mời đại diện Sở Tài chính, Sở Nội vụ, Sở Khoa học và Công nghệ, cơ quan, tổ chức có liên quan; chuyên gia, nhà khoa học (nếu có) tham gia cuộc họp hội đồng thẩm định hoặc cuộc họp thẩm định.	- Biên bản họp thẩm định (nếu có); - Báo cáo thẩm định.	3	
C	Nhiệm vụ tổng hợp, rà soát, xem xét, quyết định trình		3	Văn phòng UBND tỉnh là đơn vị lập dự toán và thực hiện thanh, quyết toán
	Văn phòng Ủy ban nhân dân tiếp nhận và xử lý hồ sơ dự thảo văn bản theo Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân.			

STT	Nhiệm vụ, hoạt động	Sản phẩm	Định mức khoán chi tối đa (triệu đồng)	Ghi chú
	Ủy ban nhân dân xem xét, quyết định việc trình dự thảo nghị quyết đến Hội đồng nhân dân theo Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân.	Theo Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân tỉnh	3	
D	Nhiệm vụ thẩm tra, thông qua		3	Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân là đơn vị lập dự toán và thực hiện thanh, quyết toán
	Các Ban của Hội đồng nhân dân thẩm tra dự thảo nghị quyết trước khi trình Hội đồng nhân dân	- Theo Quy chế làm việc của Hội đồng nhân dân; - Báo cáo thẩm tra.	3	
	Xem xét, thông qua dự thảo nghị quyết	Nghị quyết được ký ban hành		

Phụ lục II
DANH MỤC NHIỆM VỤ, HOẠT ĐỘNG, SẢN PHẨM VÀ KHUNG ĐỊNH MỨC KHOẢN CHI
TRONG CÔNG TÁC XÂY DỰNG VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

STT	Nhiệm vụ, hoạt động	Sản phẩm	Định mức khoản chi tối đa (triệu đồng)	Ghi chú
A	Nhiệm vụ soạn thảo		16,00	
1	Xây dựng hồ sơ dự thảo Quyết định		11,70	Cơ quan chủ trì soạn thảo là đơn vị lập dự toán và thực hiện thanh, quyết toán

STT	Nhiệm vụ, hoạt động	Sản phẩm	Định mức khoán chi tối đa (triệu đồng)	Ghi chú
	Cơ quan chủ trì soạn thảo chủ động quyết định các hoạt động cụ thể để xây dựng hồ sơ dự thảo quyết định, ví dụ như: Tổng kết việc thi hành pháp luật, đánh giá các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành, khảo sát, đánh giá thực trạng quan hệ xã hội có liên quan đến dự thảo văn bản, trường hợp cần thiết, đề nghị cơ quan, tổ chức có liên quan tổng kết, đánh giá việc thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực do cơ quan, tổ chức đó phụ trách có liên quan đến nội dung văn bản; Tổ chức việc soạn thảo; tổ chức điều tra, khảo sát thực tế; thuê chuyên gia, nhà khoa học; .v.v.)	Sản phẩm theo quy định tại Khoản 3 Điều 49 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP gồm: a) Tờ trình; b) Dự thảo quyết định; c) Báo cáo tổng kết việc thi hành pháp luật hoặc đánh giá thực trạng quan hệ xã hội liên quan đến dự thảo văn bản đối với trường hợp ban hành văn bản quy định tại điểm b và điểm c khoản 2 Điều 21 của Luật kèm phụ lục rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật có liên quan; d) Bản so sánh, thuyết minh nội dung dự thảo; đ) Bản đánh giá thủ tục hành chính, việc phân cấp, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp, việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (nếu có).		
2	Lấy ý kiến đối với hồ sơ dự thảo Quyết định		2,30	

STT	Nhiệm vụ, hoạt động	Sản phẩm	Định mức khoán chi tối đa (triệu đồng)	Ghi chú
	cơ quan chủ trì soạn thảo chủ động quyết định các hoạt động cụ thể để lấy ý kiến xây dựng hồ sơ dự thảo nghị quyết theo hình thức phù hợp, ví dụ như: thành lập Tổ soạn thảo với sự tham gia của các cơ quan, tổ chức có liên quan, chuyên gia, nhà khoa học (nếu có), lấy ý kiến bằng văn bản; trong đó phải đảm bảo việc lấy ý kiến của Sở Tài chính, Sở Nội vụ, Sở Tư pháp, Sở Khoa học và Công nghệ theo quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Nghị định số 78/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP			
a)	Sở Tài chính có ý kiến về nguồn tài chính (theo quy định tại Điều 44 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP)	Văn bản góp ý	0,35	Sở Tài chính là đơn vị lập dự toán và thực hiện thanh, quyết toán
b)	Sở Nội vụ có ý kiến về việc phân cấp, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp và nguồn nhân lực (theo quy định tại Điều 44 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP)	Văn bản góp ý	0,35	Sở Nội vụ là đơn vị lập dự toán và thực hiện thanh, quyết toán
c)	Sở Tư pháp có ý kiến về tính hợp hiến, tính hợp pháp và tính thống nhất với hệ thống pháp luật (theo quy định tại Điều 44 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP)	Văn bản góp ý	0,35	Sở Tư pháp là đơn vị lập dự toán và thực hiện thanh, quyết toán

STT	Nhiệm vụ, hoạt động	Sản phẩm	Định mức khoán chi tối đa (triệu đồng)	Ghi chú
d)	Sở Khoa học và Công nghệ có ý kiến về việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (theo quy định tại Điều 44 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP)	Văn bản góp ý	0,35	Sở Khoa học và Công nghệ là đơn vị lập dự toán và thực hiện thanh, quyết toán
e)	Tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý của cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia góp ý	Bản tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý	0,9	Cơ quan chủ trì soạn thảo là đơn vị lập dự toán và thực hiện thanh, quyết toán
3	Tổng hợp, chỉnh lý, hoàn thiện hồ sơ	Hồ sơ dự thảo Quyết định trình thông qua	2,00	Cơ quan chủ trì soạn thảo là đơn vị lập dự toán và thực hiện thanh, quyết toán
B	Nhiệm vụ thẩm định		2	Sở Tư pháp là đơn vị lập dự toán và thực hiện thanh, quyết toán
	Sở Tư pháp tự thẩm định hoặc tổ chức hội đồng thẩm định hoặc cuộc họp thẩm định hoặc lấy ý kiến thẩm định bằng văn bản. Trường hợp tổ chức hội đồng thẩm định hoặc cuộc họp thẩm định, Sở Tư pháp mời đại diện Sở Tài chính, Sở Nội vụ, Sở Khoa học và Công nghệ, cơ quan, tổ chức có liên quan; chuyên gia, nhà khoa học (nếu có) tham gia cuộc họp hội đồng thẩm định hoặc cuộc họp thẩm định.	- Biên bản họp thẩm định (nếu có); - Báo cáo thẩm định.	2	

STT	Nhiệm vụ, hoạt động	Sản phẩm	Định mức khoán chi tối đa (triệu đồng)	Ghi chú
C	Nhiệm vụ tổng hợp, rà soát, xem xét, thông qua		2	Văn phòng UBND tỉnh là đơn vị lập dự toán và thực hiện thanh, quyết toán
	Văn phòng Ủy ban nhân dân tiếp nhận và xử lý hồ sơ dự thảo quyết định theo Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân. Tùy theo tính chất và nội dung của dự thảo quyết định, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quyết định phương thức xem xét, thông qua dự thảo quyết định theo Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân.	Theo Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân tỉnh	2	
	Chủ tịch Ủy ban nhân dân ký quyết định.	Quyết định được ký ban hành		

Phụ lục III
DANH MỤC NHIỆM VỤ, HOẠT ĐỘNG, SẢN PHẨM VÀ KHUNG ĐỊNH MỨC KHOẢN CHI
TRONG CÔNG TÁC XÂY DỰNG VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT CỦA CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP TỈNH

STT	Nhiệm vụ, hoạt động	Sản phẩm	Định mức khoản chi tối đa (triệu đồng)	Ghi chú
A	Nhiệm vụ soạn thảo		8,00	
1	Xây dựng dự thảo Quyết định		4,70	Cơ quan chủ trì soạn thảo là đơn vị lập dự toán và thực hiện thanh, quyết toán
	Cơ quan chủ trì soạn thảo đánh giá việc thi hành pháp luật ở địa phương để xác định nội dung phân cấp và biện pháp chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân, phối hợp hoạt động giữa các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và tổ chức việc soạn thảo.	Sản phẩm theo quy định tại Khoản 3 Điều 51a Nghị định số 78/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP gồm: a) Tờ trình; b) Dự thảo quyết định; c) Bản đánh giá thủ tục hành chính, việc phân cấp, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp, việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (nếu có).		
2	Lấy ý kiến đối với dự thảo Quyết định		2,3	

STT	Nhiệm vụ, hoạt động	Sản phẩm	Định mức khoản chi tối đa (triệu đồng)	Ghi chú
	cơ quan chủ trì soạn thảo chủ động quyết định các hoạt động cụ thể để lấy ý kiến dự thảo Quyết định theo hình thức phù hợp, ví dụ như: thành lập Tổ soạn thảo với sự tham gia của các cơ quan, tổ chức có liên quan, chuyên gia, nhà khoa học (nếu có), lấy ý kiến bằng văn bản; trong đó phải đảm bảo việc lấy ý kiến của Sở Tài chính, Sở Nội vụ, Sở Tư pháp, Sở Khoa học và Công nghệ theo quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Nghị định số 78/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP			
a)	Sở Tài chính có ý kiến về nguồn tài chính (theo quy định tại Điều 44 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP)	Văn bản góp ý	0,35	Sở Tài chính là đơn vị lập dự toán và thực hiện thanh, quyết toán
b)	Sở Nội vụ có ý kiến về việc phân cấp, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp và nguồn nhân lực (theo quy định tại Điều 44 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP)	Văn bản góp ý	0,35	Sở Nội vụ là đơn vị lập dự toán và thực hiện thanh, quyết toán
c)	Sở Tư pháp có ý kiến về tính hợp hiến, tính hợp pháp và tính thống nhất với hệ thống pháp luật (theo quy định tại Điều 44 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP)	Văn bản góp ý	0,35	Sở Tư pháp là đơn vị lập dự toán và thực hiện thanh, quyết toán

STT	Nhiệm vụ, hoạt động	Sản phẩm	Định mức khoản chi tối đa (triệu đồng)	Ghi chú
d)	Sở Khoa học và Công nghệ có ý kiến về việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (theo quy định tại Điều 44 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP)	Văn bản góp ý	0,35	Sở Khoa học và Công nghệ là đơn vị lập dự toán và thực hiện thanh, quyết toán
e)	Tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý của cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia góp ý	Bản tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý	0,9	Cơ quan chủ trì soạn thảo là đơn vị lập dự toán và thực hiện thanh, quyết toán
3	Tổng hợp, chỉnh lý, hoàn thiện hồ sơ	Hồ sơ dự thảo Quyết định trình thông qua	1	Cơ quan chủ trì soạn thảo là đơn vị lập dự toán và thực hiện thanh, quyết toán
B	Nhiệm vụ thẩm định		1	Sở Tư pháp là đơn vị lập dự toán và thực hiện thanh, quyết toán
	Sở Tư pháp tự thẩm định hoặc tổ chức hội đồng thẩm định hoặc cuộc họp thẩm định hoặc lấy ý kiến thẩm định bằng văn bản. Trường hợp tổ chức hội đồng thẩm định hoặc cuộc họp thẩm định, Sở Tư pháp mời đại diện Sở Tài chính, Sở Nội vụ, Sở Khoa học và Công nghệ, cơ quan, tổ chức có liên quan; chuyên gia, nhà khoa học (nếu có) tham gia cuộc họp hội đồng thẩm định hoặc cuộc họp thẩm định.	- Biên bản họp thẩm định (nếu có); - Báo cáo thẩm định.	1	

STT	Nhiệm vụ, hoạt động	Sản phẩm	Định mức khoản chi tối đa (triệu đồng)	Ghi chú
C	Xem xét, ký ban hành quyết định		0,8	Văn phòng UBND tỉnh là đơn vị lập dự toán và thực hiện thanh, quyết toán
	Văn phòng Ủy ban nhân dân tiếp nhận và xử lý hồ sơ dự thảo quyết định theo Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân.	Theo Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân tỉnh	0,8	
	Chủ tịch Ủy ban nhân dân xem xét, ký ban hành quyết định.	Quyết định được ký ban hành		

Phụ lục IV
DANH MỤC NHIỆM VỤ, HOẠT ĐỘNG, SẢN PHẨM VÀ KHUNG ĐỊNH MỨC KHOẢN CHI
TRONG CÔNG TÁC XÂY DỰNG VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CẤP XÃ

STT	Nhiệm vụ, hoạt động	Sản phẩm	Định mức khoản chi tối đa (triệu đồng)	Ghi chú
A	Nhiệm vụ soạn thảo		7,00	Cơ quan chủ trì soạn thảo là đơn vị lập dự toán và thực hiện thanh, quyết toán
1	Xây dựng hồ sơ dự thảo Nghị quyết		4,10	
	Cơ quan chủ trì soạn thảo có trách nhiệm: a) Nghiên cứu chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước, văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên, tài liệu có liên quan đến dự thảo nghị quyết và thực tế ở địa phương; b) Tổ chức việc soạn thảo. Trường hợp cần thiết, mời đại diện các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan tham gia việc soạn thảo.	Sản phẩm theo quy định tại Khoản 3 Điều 52 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP gồm: a) Dự thảo tờ trình; b) Dự thảo nghị quyết; c) Tài liệu khác (nếu có).		

STT	Nhiệm vụ, hoạt động	Sản phẩm	Định mức khoán chi tối đa (triệu đồng)	Ghi chú
2	Lấy ý kiến đối với hồ sơ dự thảo Nghị quyết		0,90	
	Cơ quan chủ trì soạn thảo có trách nhiệm tổ chức lấy ý kiến đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của dự thảo nghị quyết; lấy ý kiến cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.	Bản tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý		
3	Tổng hợp, nghiên cứu tiếp thu, giải trình các ý kiến góp ý và hoàn thiện hồ sơ dự thảo nghị quyết.	Hồ sơ dự thảo Nghị quyết trình thông qua	2,00	
B	Nhiệm vụ thẩm định		1	Văn phòng HĐND và UBND cấp xã là đơn vị lập dự toán và thực hiện thanh, quyết toán
	Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp xã lấy ý kiến thẩm định bằng văn bản hoặc tổ chức cuộc họp thẩm định dự thảo nghị quyết với sự tham gia của các cơ quan, tổ chức có liên quan. Trường hợp tổ chức cuộc họp thẩm định thì người tham gia cuộc họp thẩm định có ý kiến về nội dung thẩm định thuộc phạm vi quản lý lĩnh vực do mình phụ trách và các nội dung khác có liên quan.	- Biên bản họp thẩm định (nếu có); - Báo cáo thẩm định.	1	

STT	Nhiệm vụ, hoạt động	Sản phẩm	Định mức khoán chi tối đa (triệu đồng)	Ghi chú
C	Nhiệm vụ xem xét, quyết định trình		1	Văn phòng HĐND và UBND cấp xã là đơn vị lập dự toán và thực hiện thanh, quyết toán
	Ủy ban nhân dân xem xét, quyết định việc trình Hội đồng nhân dân dự thảo nghị quyết theo Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân.	theo Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân.	1	
D	Nhiệm vụ thẩm tra, thông qua		1	Văn phòng HĐND và UBND cấp xã là đơn vị lập dự toán và thực hiện thanh, quyết toán
	Các Ban của Hội đồng nhân dân thẩm tra dự thảo nghị quyết trước khi trình Hội đồng nhân dân	- Theo Quy chế làm việc của Hội đồng nhân dân; - Báo cáo thẩm tra.	1	
	Xem xét, thông qua dự thảo nghị quyết	Nghị quyết được ký ban hành		

Phụ lục V
DANH MỤC NHIỆM VỤ, HOẠT ĐỘNG, SẢN PHẨM VÀ KHUNG ĐỊNH MỨC KHOẢN CHI
TRONG CÔNG TÁC XÂY DỰNG VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ

STT	Nhiệm vụ, hoạt động	Sản phẩm	Định mức khoán chi tối đa (triệu đồng)	Ghi chú
A	Nhiệm vụ soạn thảo		6,40	Cơ quan chủ trì soạn thảo là đơn vị lập dự toán và thực hiện thanh, quyết toán
1	Xây dựng hồ sơ dự thảo Quyết định		3,50	
	Cơ quan chủ trì soạn thảo có trách nhiệm: a) Nghiên cứu chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước, văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên, nghị quyết của Hội đồng nhân dân cùng cấp, tài liệu có liên quan đến dự thảo quyết định và thực tế ở địa phương; b) Tổ chức việc soạn thảo. Trường hợp cần thiết, mời đại diện các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan tham gia việc soạn thảo;	Sản phẩm theo quy định tại Khoản 3 Điều 57 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP gồm: a) Dự thảo tờ trình; b) Dự thảo quyết định; c) Tài liệu khác (nếu có).		

STT	Nhiệm vụ, hoạt động	Sản phẩm	Định mức khoán chi tối đa (triệu đồng)	Ghi chú
2	Lấy ý kiến đối với hồ sơ dự thảo Quyết định		0,90	
	Cơ quan chủ trì soạn thảo có trách nhiệm tổ chức lấy ý kiến đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của dự thảo quyết định; lấy ý kiến cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan	Bản tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý		
3	Tổng hợp, nghiên cứu tiếp thu, giải trình các ý kiến góp ý và hoàn thiện hồ sơ dự thảo quyết định.	Hồ sơ dự thảo Quyết định trình thông qua	2,00	
B	Nhiệm vụ thẩm định		0,8	Văn phòng HĐND và UBND cấp xã là đơn vị lập dự toán và thực hiện thanh, quyết toán
	Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp xã tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ dự thảo văn bản. Trường hợp tổ chức cuộc họp thẩm định thì người tham gia cuộc họp thẩm định có ý kiến về nội dung thẩm định thuộc phạm vi quản lý lĩnh vực do mình phụ trách và các nội dung khác có liên quan.	- Biên bản họp thẩm định (nếu có); - Báo cáo thẩm định.	0,8	

STT	Nhiệm vụ, hoạt động	Sản phẩm	Định mức khoán chi tối đa (triệu đồng)	Ghi chú
C	Nhiệm vụ xem xét, thông qua dự thảo quyết định		1	Văn phòng HĐND và UBND cấp xã là đơn vị lập dự toán và thực hiện thanh, quyết toán
	Tùy theo tính chất và nội dung của dự thảo quyết định, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quyết định phương thức xem xét, thông qua dự thảo quyết định theo Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân. Chủ tịch Ủy ban nhân dân ký ban hành quyết định.	theo Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân. Quyết định được ký ban hành	1	

BẢN TỔNG HỢP Ý KIẾN, TIẾP THU, GIẢI TRÌNH Ý KIẾN GÓP Ý ĐỐI VỚI DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT
Quy định tổng mức chi, nhiệm vụ, hoạt động và định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động đối với xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Gia Lai

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Sở Tài chính đã tổ chức lấy ý kiến đối với hồ sơ dự thảo Nghị quyết Quy định tổng mức chi, nhiệm vụ, hoạt động và định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động đối với xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Gia Lai

1. Tổng số cơ quan, tổ chức, cá nhân đã gửi xin ý kiến, tham vấn/góp ý, phản biện xã hội: 162 và tổng số ý kiến nhận được: 33

2. Kết quả cụ thể như sau:

CHÍNH SÁCH HOẶC NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
Về tên gọi của dự thảo	Sở Tư pháp	Đề nghị cân nhắc điều chỉnh như sau: “Quy định nhiệm vụ, hoạt động và định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động đối với xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Gia Lai”.	Đã tiếp thu, điều chỉnh cho phù hợp
Về căn cứ văn bản để ban hành Nghị quyết	Sở Tư pháp	- Tại nội dung “ <i>Xét Tờ trình số .../TTr-UBND ngày ... tháng ... năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về dự thảo Nghị quyết Quy định danh mục nhiệm vụ, hoạt động và định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động đối với xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, ...</i> ”, đề nghị điều chỉnh cụm từ “ <i>Nghị quyết Quy định</i> ” thành “ <i>Nghị quyết quy định</i> ”.	Đã tiếp thu, điều chỉnh
		- Tương tự, tại nội dung “ <i>Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết Quy định nhiệm vụ, hoạt động và định mức khoán chi ...</i> ”, đề nghị điều chỉnh cụm từ “ <i>Nghị quyết Quy định</i> ” thành “ <i>Nghị quyết quy định</i> ”.	
Về nội dung của dự thảo	Sở Tư pháp	- Tại điểm b khoản 1 Điều 1 của dự thảo quy định về phạm vi điều chỉnh “b) Danh mục nhiệm vụ, hoạt động và định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động đối với xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh”, đề nghị Quý Sở cân nhắc, bổ sung Danh mục nhiệm vụ, hoạt động và định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động đối với xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp xã nhằm tạo thuận lợi để địa phương cấp xã thực hiện, cũng như đảm bảo tính áp dụng thống nhất trên địa bàn tỉnh.	Đã tiếp thu, bổ sung, điều chỉnh, làm rõ
		- Tại khoản 3 Điều 6 của dự thảo quy định “3. Khi các văn bản quy định về chế độ, định mức chi viện dẫn để áp dụng tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.”, đề nghị Quý Sở điều chỉnh thành “3. Khi các văn bản được viện dẫn để áp dụng tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.”,	
		- Tại khoản 4 Điều 6 của dự thảo quy định “4. Trường hợp nhiệm vụ xây dựng văn bản quy phạm pháp luật được giao trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực mà có hoạt động thực hiện từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 thì được chi trả, thanh, quyết toán theo định mức khoán chi quy định tại Nghị quyết này.”, đề nghị quý sở làm rõ nội dung, trường hợp nhiệm vụ xây dựng văn bản quy phạm pháp luật được giao trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực mà có hoạt động thực hiện từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 nhưng đến trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực đã được thanh toán thì xử lý như thế nào.	

CHÍNH SÁCH HOẶC NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
Về bố cục của dự thảo	Sở Tư pháp	Đề nghị Quý Sở cân nhắc, có thể không quy định về chương. Cụ thể, đề nghị tham khảo bố cục trình bày nội dung của dự thảo Nghị quyết như sau: “Điều 1. Phạm vi điều chỉnh Điều 2. Đối tượng áp dụng Điều 3. Danh mục nhiệm vụ, hoạt động và định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động đối với xây dựng văn bản quy phạm pháp luật Điều 4. Nguồn kinh phí thực hiện Điều 5. Tổ chức thực hiện Điều 6. Điều khoản thi hành”	Đã tiếp thu, điều chỉnh
Đối với các phụ lục kèm theo	Sở Tư pháp	đề nghị Quý Sở tham khảo điều chỉnh: - bổ sung mức chi đối với ý kiến tham gia hồ sơ dự thảo Nghị quyết đối với cơ quan, đơn vị theo Điều 44 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP, gồm: Sở Tài chính, Sở Nội vụ, Sở Tư pháp, Sở Khoa học và Công nghệ - điều chỉnh định mức khoán chi đối với một số hoạt động trong nhiệm vụ soạn thảo tham chiếu theo khoản 4 Điều 4 của Thông tư số 338/2016/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 42/2022/TT-BTC.	Đã tiếp thu, điều chỉnh
dự thảo Tờ trình	Sở Y tế	Tại mục IV.2 của dự thảo Tờ trình, phần bố cục ghi “Điều 5. Điều khoản thi hành”; đề nghị rà soát, chỉnh thành “Điều 6. Điều khoản thi hành” để thống nhất với dự thảo Nghị quyết gồm 02 chương, 06 điều	Đã tiếp thu, điều chỉnh
	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	đề nghị đơn vị soạn thảo bổ sung thành phần hồ sơ đầy đủ theo quy định	dự thảo hồ sơ nghị quyết gửi lấy ý kiến đã đảm bảo thành phần hồ sơ theo quy định
	Sở Khoa học và công nghệ Sở Nội vụ Thanh tra tỉnh Ban QLDA các công trình Giao thông và Dân dụng		

CHÍNH SÁCH HOẶC NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
Toàn bộ dự thảo nghị quyết	Ban Quản lý Khu kinh tế	Thông nhất	
	Sở Xây dựng		
	Sở Giáo dục và đào tạo		
	Tỉnh đoàn		
	UBND xã Ya Ma		
	UBND xã Canh Liên		
	UBND xã Vĩnh Thạnh		
	UBND phường Quy Nhơn		
	UBND phường Bình Định		
	UBND xã An Lão		
	UBND xã Ia Rsai		
	UBND phường Thống Nhất		
	UBND phường Diên Hồng		
	UBND xã Hòa Hội		
	UBND xã Ia Dom		
	UBND xã Ia Grai		
	UBND xã Đak Đoa		
	UBND xã Đak Somei		
	UBND xã Đê Gi		
	UBND xã Tơ Tung		
	UBND xã An Nhơn Bắc		
	UBND xã An Nhơn Đông		
	UBND xã An Nhơn Tây		
	UBND xã Tuy Phước Tây		
	UBND xã Tuy Phước Đông		
	UBND xã Bờ Ngoong		

UBND TỈNH GIA LAI

SỞ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Gia Lai, ngày ... tháng ... năm 2026

BẢN SO SÁNH, THUYẾT MINH DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

Quy định nhiệm vụ, hoạt động và định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động đối với xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Gia Lai

NGHỊ QUYẾT SỐ 54/2023/NQ-HĐND				NGHỊ QUYẾT SỐ 197/2025/QH15	NGHỊ ĐỊNH SỐ 289/2025/ND-CP	DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT				THUYẾT MINH			
1. Dự thảo nghị quyết của Hội đồng nhân dân, quyết định của Ủy ban nhân dân được ban hành mới hoặc thay thế						1. Tổng mức chi và định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ đối với xây dựng Nghị quyết Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Nghị quyết Hội đồng nhân dân cấp xã, Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp xã (xây dựng mới, thay thế):							
Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh: triệu đồng/vb30				Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh: 250 triệu đồng/văn bản		Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh: triệu đồng/vb30				- Tổng mức chi bằng mức quy định tại NQ 54/2023; - Phân bổ cho các nhiệm vụ theo khối lượng công việc của các nhiệm vụ. (70%-10%-10%-10%)			
Nhiệm vụ soạn thảo	Nhiệm vụ thẩm định	Nhiệm vụ tổng hợp, rà soát, xem xét, quyết định trình/thông qua/ký ban hành				Nhiệm vụ thẩm tra, thông qua		Nhiệm vụ soạn thảo	Nhiệm vụ thẩm định		Nhiệm vụ tổng hợp, rà soát, xem xét, quyết định trình/thông qua/ký ban hành		Nhiệm vụ thẩm tra, thông qua
26,00	2							21,00	3		3	3	
Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh: triệu đồng/vb20				Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh: 100 triệu đồng/văn bản		Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh: triệu đồng/vb20				- Tổng mức chi bằng mức quy định tại NQ 54/2023; - Phân bổ cho các nhiệm vụ theo khối lượng công việc của các nhiệm vụ (80%-10%-10%)			
Nhiệm vụ soạn thảo	Nhiệm vụ thẩm định	Nhiệm vụ tổng hợp, rà soát, xem xét, quyết định trình/thông qua/ký ban hành				Nhiệm vụ thẩm tra, thông qua		Nhiệm vụ soạn thảo	Nhiệm vụ thẩm định		Nhiệm vụ tổng hợp, rà soát, xem xét, quyết định trình/thông qua/ký ban hành		Nhiệm vụ thẩm tra, thông qua
16,00	2	2						16,00	2		2		
					Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh: 30 triệu đồng/văn bản	Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh: triệu đồng/vb10				- Trước đây, NQ 54/2023 không quy định mức chi cho nội dung này; - Tại Điều 5 Nghị định số 289/2025/ND-CP quy định Tổng mức chi trong xây dựng quyết định của Chủ tịch UBND cấp tỉnh do HĐND cùng cấp quyết định dựa trên khả năng cân đối ngân sách, quyết định dựa trên khả năng cân đối ngân sách, thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật, tình hình thực tế và trên cơ sở tham chiếu mức chi sau đây: a) Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh là 30.000.000 đồng/01 văn bản. Theo đó, căn cứ khả năng cân đối ngân sách và tương quan với các văn bản QPPL khác của tỉnh, mức đề xuất 10.000.000 đ/VB; phân bổ cho từng nhiệm vụ theo tỷ lệ 80%-10%-10%.			
						Nhiệm vụ soạn thảo	Nhiệm vụ thẩm định	Nhiệm vụ tổng hợp, rà soát, xem xét, quyết định trình/thông qua/ký ban hành					
						8,00	1	1					
Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp xã: 10 triệu đồng					Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp xã: 10 triệu đồng	Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp xã: triệu đồng/vb10				- Tổng mức chi bằng mức quy định NQ 54/2023 và ND 289/2025 - Tại Điều 5 Nghị định số 289/2025/ND-CP quy định Tổng mức chi trong xây dựng nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp xã, quyết định của Ủy ban nhân dân cấp xã do HĐND cùng cấp quyết định dựa trên khả năng cân đối ngân sách,			

NGHỊ QUYẾT SỐ 54/2023/NQ-HĐND	NGHỊ QUYẾT SỐ 197/2025/QH15	NGHỊ ĐỊNH SỐ 289/2025/NĐ-CP	DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT				THUYẾT MINH
			<i>Nhiệm vụ soạn thảo</i>	<i>Nhiệm vụ thẩm định</i>	<i>Nhiệm vụ tổng hợp, rà soát, xem xét, quyết định trình/thông qua/ký ban hành</i>	<i>Nhiệm vụ thẩm tra, thông qua</i>	<i>quyết định dựa trên khả năng cần đổi gần sách, thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật, tình hình thực tế và trên cơ sở tham chiếu mức chi sau đây: b) Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp xã là 10.000.000 đồng/01 văn bản; c) Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp xã là 8.000.000 đồng/01 văn bản.</i> Điều 22 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, sửa đổi bởi Khoản 4 Điều 1 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi 2025: 2. <i>Hội đồng nhân dân cấp xã ban hành nghị quyết để quy định:</i> a) <i>Những vấn đề được luật, nghị quyết của Quốc hội giao;</i> b) <i>Chính sách, biện pháp nhằm bảo đảm thi hành Hiến pháp, luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên;</i> c) <i>Chính sách, biện pháp nhằm phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương; thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp.</i> Theo đó, HĐND cấp xã không có thẩm quyền ban hành mức chi. Điểm h Khoản 9 Điều 31 Luật NSNN 2025, HĐND tỉnh có trách nhiệm "Quyết định cụ thể" định mức chi dựa trên khung đó để áp dụng chung trên địa bàn tỉnh. Do đó, HĐND tỉnh quy định tổng mức chi để áp dụng thống nhất trên địa bàn tỉnh. - Tổng mức chi cho từng nhiệm vụ theo tỷ lệ tương ứng của các VB QPPL cấp tỉnh
			7,00	1	1	1	
<i>Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp xã: 8 triệu đồng/văn bản</i>		<i>Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp xã: 8 triệu đồng/văn bản</i>	<i>Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp xã: triệu đồng/vb</i> 8				
			<i>Nhiệm vụ soạn thảo</i>	<i>Nhiệm vụ thẩm định</i>	<i>Nhiệm vụ tổng hợp, rà soát, xem xét, quyết định trình/thông qua/ký ban hành</i>		
			6,40	0,8	1		
Nội dung, mức chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động: Thực hiện theo Thông tư số 338/2016/TT-BTC, sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 42/2022/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính			2. Danh mục nhiệm vụ, hoạt động và định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động đối với xây dựng Nghị quyết Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện theo Phụ lục I, II, III, IV, V kèm theo Nghị quyết.				- Nhiệm vụ, hoạt động và định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động được xây dựng theo trình tự và sản phẩm quy định tại các Điều từ Điều 44 đến Điều 51c Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025, Nghị định số 187/2025/NĐ-CP
2. Đối với văn bản sửa đổi, bổ sung một số điều: Mức phân bổ kinh phí bằng 80% mức phân bổ kinh phí đối với văn bản được quy định tại khoản 1 Điều này.		Tổng mức chi quy định tại Mục III Phụ lục II kèm theo Nghị quyết số 197/2025/QH15, khoản 1 và khoản 2 Điều này là mức chi được áp dụng cho việc xây dựng văn bản quy phạm pháp luật mới hoặc thay thế. Trường hợp xây dựng văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung một số điều của văn bản quy phạm pháp luật thì áp dụng định mức khoán chi như sau:	3. Tổng mức chi và định mức khoán chi quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này được áp dụng cho việc xây dựng văn bản quy phạm pháp luật mới hoặc thay thế. Trường hợp xây dựng văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung một số điều của văn bản quy phạm pháp luật thì áp dụng tổng mức chi và định mức khoán chi tương ứng cho từng nhiệm vụ, hoạt động như sau:				
		a) Văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 02 văn bản quy phạm pháp luật trở lên thì áp dụng bằng tổng mức chi trong xây dựng 01 văn bản quy phạm pháp luật tương ứng tại Mục III của Phụ lục II kèm theo Nghị quyết số 197/2025/QH15, tại khoản 1 và khoản 2 Điều này; bằng định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động trong xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật tương ứng tại Phụ lục I kèm theo Nghị định này;	a) Văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 02 văn bản quy phạm pháp luật trở lên thì áp dụng bằng tổng mức chi, định mức khoán chi trong xây dựng 01 văn bản quy phạm pháp luật tương ứng khoản 1 và 2				
		b) Văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 01 văn bản quy phạm pháp luật thì áp dụng bằng 60% tổng mức chi trong xây dựng 01 văn bản quy phạm pháp luật tương ứng tại Mục III của Phụ lục II kèm theo Nghị quyết số 197/2025/QH15, tại khoản 1 và khoản 2 Điều này; bằng 60% định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động trong xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật tương ứng tại Phụ lục I kèm theo Nghị định này.	b) Văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 01 văn bản quy phạm pháp luật thì áp dụng bằng 60% tổng mức chi, định mức khoán chi trong xây dựng 01 văn bản quy phạm pháp luật tương ứng khoản 1 và 2				
		Văn bản quy phạm pháp luật bãi bỏ một phần hoặc bãi bỏ toàn bộ văn bản quy phạm pháp luật thì áp dụng tổng mức chi bằng 30% tổng mức chi trong xây dựng 01 văn bản quy phạm pháp luật tương ứng tại Phụ lục I kèm theo Nghị quyết số 197/2025/QH15, tại khoản 1 và khoản 2 Điều này; bằng 30% định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động tương ứng trong xây dựng, soạn thảo, thẩm định, trình, thẩm tra, thông qua văn bản quy phạm pháp luật tương ứng theo quy định của Ủy ban Thường vụ Quốc hội hoặc theo quy định tại Phụ lục I kèm theo Nghị định này đối với trường hợp thuộc thẩm quyền quy định của Chính phủ.	3. Văn bản quy phạm pháp luật bãi bỏ một phần hoặc bãi bỏ toàn bộ văn bản quy phạm pháp luật thì áp dụng tổng mức chi, định mức khoán chi bằng 30% tổng mức chi trong xây dựng 01 văn bản quy phạm pháp luật tương ứng khoản 1 và 2				

NGHỊ QUYẾT SỐ 54/2023/NQ-HĐND	NGHỊ QUYẾT SỐ 197/2025/QH15	NGHỊ ĐỊNH SỐ 289/2025/ND-CP	DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT	THUYẾT MINH
	Người đứng đầu cơ quan được giao thực hiện nhiệm vụ, hoạt động quy định tại Điều 2 của Nghị quyết này được quyền chủ động quyết định nội dung chi, thay đổi nội dung chi theo nguyên tắc quy định tại Điều 3 của Nghị quyết này; chịu trách nhiệm trong việc sử dụng ngân sách được giao; bảo đảm việc phân bổ, quản lý, sử dụng kinh phí tương xứng với mức độ quan trọng, phức tạp của nhiệm vụ, hoạt động và đáp ứng đầy đủ nhu cầu thực tế phát sinh trong thực hiện nhiệm vụ, hoạt động; tuân thủ các quy định về giám sát, kiểm tra, kiểm toán; bảo đảm dân chủ, công khai, minh bạch.	Danh mục nhiệm vụ, hoạt động và định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động đối với xây dựng văn bản quy phạm pháp luật là lệnh, quyết định của Chủ tịch nước; nghị quyết của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; thông tư, thông tư liên tịch; nghị quyết của Hội đồng nhân dân các cấp; quyết định của Ủy ban nhân dân các cấp, quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh do người đứng đầu cơ quan thực hiện nhiệm vụ, hoạt động chủ động quyết định hoặc ban hành quy định, quy chế để áp dụng nội bộ trong phạm vi tổng mức chi quy định tại Phụ lục II kèm theo Nghị quyết số 197/2025/QH15 hoặc quy định tại Điều 5 của Nghị định này.	4. Người đứng đầu đơn vị được giao chủ trì soạn thảo, thẩm định, trình, thẩm tra, thông qua văn bản quy phạm pháp luật căn cứ tình hình thực tế của đơn vị, tham chiếu định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động theo danh mục nhiệm vụ, hoạt động tại Phụ lục I, II, III, IV, V kèm theo Nghị quyết này để quyết định (hoặc ban hành quy định, quy chế áp dụng nội bộ) về mức chi đối với từng hoạt động cụ thể khi xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, đảm bảo tương xứng với mức độ quan trọng, phức tạp của nhiệm vụ, hoạt động và đáp ứng đầy đủ nhu cầu thực tế phát sinh; tuân thủ các quy định về giám sát, kiểm tra, kiểm toán; bảo đảm dân chủ, công khai, minh bạch.	
Thực hiện theo quy định của thông tư số 338/2016/TT-BTC, sửa đổi bởi Thông tư 42/2022/TT-BTC: "Trường hợp cơ quan có thẩm quyền quyết định không ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã xây dựng xong hoặc dừng lại không xây dựng tiếp thì cơ quan, đơn vị chủ trì xây dựng văn bản được phép thanh, quyết toán phần kinh phí đã thực hiện tương ứng theo quy định về nội dung chi, mức chi tại Thông tư này trên cơ sở chứng từ chi tiêu hợp pháp theo quy định của pháp luật".		Trường hợp 01 nhiệm vụ, hoạt động hoặc từng hoạt động trong mỗi nhiệm vụ quy định tại phụ lục kèm theo Nghị định này hoặc tại khoản 2 Điều 3 của Nghị định này đã được thực hiện và đã có sản phẩm hoàn thành thì được thanh, quyết toán theo phương thức khoán chi đối với từng nhiệm vụ hoặc hoạt động đó. Sản phẩm hoàn thành và định mức khoán chi phải phù hợp với quy định tương ứng tại phụ lục kèm theo Nghị định này; phù hợp với quyết định, quy định hoặc quy chế đối với trường hợp tại khoản 2 Điều 3 của Nghị định này.	5. Trường hợp 01 nhiệm vụ, hoạt động hoặc từng hoạt động trong mỗi nhiệm vụ quy định tại phụ lục kèm theo Nghị quyết này đã được thực hiện và đã có sản phẩm hoàn thành thì được thanh, quyết toán theo phương thức khoán chi đối với từng nhiệm vụ hoặc hoạt động đó. Sản phẩm hoàn thành và định mức khoán chi phải phù hợp với quy định tương ứng tại phụ lục kèm theo Nghị quyết này	